

Bản án số: 06/2024/HS-ST  
Ngày 22-01-2024.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Trường.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Văn Tài;

Ông Nguyễn Văn Bình.

***- Thư ký phiên toà:*** ông Trần Xuân Sơn là Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:*** ông Lê Đình Hữu Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn N (T), sinh năm 2002, tại: tỉnh TH; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NL, xã QT, huyện QX, tỉnh TH; nơi tạm trú: ấp PĐB, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị C; vợ, con: chưa có; tiền sự, tiền án: không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/8/2023 cho đến nay; bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phan Châu Tr, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp BV, xã PT, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

2. Anh Huỳnh Tấn Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp CT, xã CG, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp PĐA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

4. Chị Trần Thị Hoa M, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố HL, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Chiến T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố AĐ, phường AT, thị xã TB, tỉnh TN; vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp NP, xã BN, huyện DMC, tỉnh TN; vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố HL, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN; vắng mặt.

8. Bà Lê Thị Kim P1, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

9. Anh Lê Đoàn Anh S, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố TH, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

10. Anh Võ Thành Ph, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp NP, xã BN, huyện DMC, tỉnh TN.

11. Chị Trần Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố LD, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN.

12. Chị Đặng Thục L, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố NA, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

13. Chị Lê Thị Như Y, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố L, phường LH, thị xã TB, tỉnh TN.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 03/5/2023, Công an xã PĐ nhận được tin báo của anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990, ngụ ấp PĐA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN về việc Lê Văn N cho anh Q vay tiền với lãi suất cao nên tiến hành mời N và Lê Khánh V, sinh năm 1994, ngụ thôn TC, xã QT, huyện QX, tỉnh TH về trụ sở Công an xã PĐ để làm rõ vụ việc.

Qua điều tra, xác định: Khoảng đầu tháng 03/2023, N từ tỉnh TH vào xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN để hoạt động cho vay dưới hình thức: N phát tờ rơi ghi số điện thoại 0879708296 của N để người cần vay tiền thì liên lạc với N. Khi có người cần vay tiền sẽ liên lạc với N qua số điện thoại nêu trên có tài khoản Zalo tên “Hà Đình T” và nói với người vay tên là “T” khi gặp mặt, mức lãi suất cho vay từ 01%/ngày đến 1,24%/ngày (từ 365%/năm đến 452,6%/năm). N thu phí từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng tùy thuộc vào

số tiền vay, N chỉ cần biết nhà của người vay, không yêu cầu đưa giấy tờ tùy thân, tài sản để đảm bảo.

Từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023, N đã cho 13 người vay tiền, cụ thể như sau:

1/ Phan Châu Tr, sinh năm 1996, ngụ ấp BV, xã PT, huyện GD: vay tiền của N 03 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 4.576.582 đồng.

2/ Huỳnh Tấn Th, sinh năm 1983, ngụ ấp CT, xã CG, huyện GD, tỉnh TN: vay tiền của N 03 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 8.387.670 đồng.

3/ Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990, ngụ ấp PĐA, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN: vay tiền của N 02 lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 4.315.753 đồng.

4/ Trần Thị Hoa M, sinh năm 1993, ngụ khu phố HL, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN: vay tiền của N 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 4.253.425 đồng.

5/ Nguyễn Chiến T1, sinh năm 1990, ngụ khu phố AĐ, phường AT, thị xã TB, tỉnh TN: vay tiền của N 01 lần với số tiền là 30.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 8.954.795 đồng.

6/ Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1996, ngụ ấp NP, xã BN, huyện DMC, tỉnh TN: vay tiền của N 02 lần với số tiền là 20.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 3.952.055 đồng.

7/ Trần Thị Kim A, sinh năm 1968, ngụ khu phố HL, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN: vay tiền của N 01 lần với số tiền là 10.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 2.890.411 đồng.

8/ Lê Thị Kim P1, sinh năm 1967, ngụ ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh TN: vay tiền của N 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 1.187.476 đồng.

9/ Lê Đoàn Anh S, sinh năm 1974, ngụ khu phố TH, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN: vay tiền của N 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 1.539.726 đồng;

10/ Võ Thành Ph, sinh năm 1994, ngụ ấp NP, xã BN, huyện DMC, tỉnh TN: vay tiền của N 02 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 4.535.616 đồng.

11/ Trần Thị D, sinh năm 1977, ngụ khu phố LD, phường TB, thị xã TB, tỉnh TN: vay tiền của N 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 1.387.475 đồng.

12/ Đặng Thục L, sinh năm 1974, ngụ khu phố NA, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN: vay tiền của N 01 lần với số tiền là 5.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 972.603 đồng;

13/ Lê Thị Như Y, sinh năm 1994, ngụ khu phố L, phường LH, thị xã TB, tỉnh TN: vay tiền của N 02 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, N thu lợi bất chính 4.721.592 đồng.

Ngoài ra, còn 04 người N khai nhận có vay tiền của N, tuy nhiên qua xác minh không rõ họ tên, địa chỉ và chưa làm việc.

Đến ngày 18/4/2023, V liên lạc với N thì biết N đang hoạt động cho vay nên V vào xã Phước Đông, huyện Gò Dầu ở cùng với N và nhờ N hướng dẫn cách thức cho vay tiền để V một mình cho vay; tính đến ngày 03/5/2023, V cho 05 người vay với tổng số tiền 20.000.000 đồng, V thu lợi bất chính tính là 2.627.024 đồng.

Tại Cáo trạng số 119/CT-VKSGD ngày 29 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày rất ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Từ tháng 3/2023 đến tháng 5/2023, trên địa bàn huyện GD, tỉnh TN, Lê Văn N đã cho 13 người vay tiền tổng cộng 225.000.000 đồng, với lãi suất từ 365%/năm đến 452,6%/năm, vượt gấp 18,25 lần đến 22,63 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính 51.675.179 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Lê Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Vì vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt có xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét mức đề nghị về hình phạt đối với bị cáo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh số IMEI 1: 869150051762352, số IMEI 2: 869150051762345 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu hồng, sim số 0879708296 đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 70L1-xxx.xx, số khung 543076, số máy 5543148 đã qua sử dụng, là công cụ phương tiện của bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự bị cáo đã thu tổng cộng 143.374.000 đồng, là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả cho bị cáo là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần truy thu nộp ngân sách nhà nước bao gồm: chị Phan Châu Tr 2.619.000 đồng; anh Huỳnh Tấn Th 7.200.000 đồng; anh Nguyễn Văn Q 15.200.00 đồng; chị Trần Thị Hoa M 22.000.000 đồng; anh Nguyễn Chiến T1 4.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Bích P 9.200.000 đồng; bà Trần Thị Kim A 2.000.000 đồng; bà Lê Thị Kim P1 1.428.000 đồng; anh Lê Đoàn Anh S 600.000 đồng; anh Võ Thành Ph 3.000.000 đồng; chị Trần Thị D 1.428.000 đồng; chị Đặng Thục L 3.000.000 đồng; chị Lê Thị Như Y 9.047.000 đồng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính bị cáo đã thu.

[7] Về án phí: bị cáo bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đối với hành vi của Lê Khánh V, do V chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 01 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N (T) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Gò Dầu nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Văn N (T) cho Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN để giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Lê Văn N (T).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh số IMEI 1: 869150051762352, số IMEI 2:

869150051762345 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu hồng, sim số 0879708296 đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 70L1-xxx.xx, số khung 543076, số máy 5543148, màu đen, dung tích 108 cm<sup>3</sup>, đã qua sử dụng.

Truy thu đối với bị cáo Lê Văn N (T) số tiền 143.374.000 (một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với chị Phan Châu Tr số tiền 2.619.000 (hai triệu sáu trăm mười chín nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với anh Huỳnh Tấn Th số tiền 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với anh Nguyễn Văn Q số tiền 15.200.00 (mười lăm triệu hai trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với chị Trần Thị Hoa M số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với anh Nguyễn Chiên T1 số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với chị Nguyễn Thị Bích P số tiền 9.200.000 (chín triệu hai trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với bà Trần Thị Kim A số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với bà Lê Thị Kim P1 số tiền 1.428.000 (một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với anh Lê Đoàn Anh S số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với anh Võ Thành Ph số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với chị Trần Thị D số tiền 1.428.000 (một triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với chị Đặng Thục L số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu đối với chị Lê Thị Như Y số tiền 9.047.000 (chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn N (T) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TATN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Gò Dầu;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Công an huyện Gò Dầu;
- Phòng Lý lịch Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS H. Gò Dầu;
- Nhà tạm giữ CA H. Gò Dầu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Văn Trường**